

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**  
**ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

**Kính gửi/Dear :** - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*  
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:  
*VFM would like to announce the information after exchange trading:*

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* **06/02/2020**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	360	1.29%
2	BVH	150	0.66%
3	CTD	80	0.29%
4	CTG	760	1.28%
5	EIB	1,000	1.19%
6	FPT	1,230	4.73%
7	GAS	220	1.38%
8	HDB	1,530	2.90%
9	HPG	3,760	6.43%
10	MBB	3,160	4.66%
11	MSN	1,060	3.86%
12	MWG	650	5.17%
13	NVL	750	2.82%
14	PLX	240	0.90%
15	PNJ	410	2.53%
16	POW	1,060	0.76%
17	REE	390	0.96%
18	ROS	580	0.39%
19	SAB	160	2.53%
20	SBT	600	0.74%
21	SSI	690	0.89%
22	STB	4,090	2.93%
23	TCB	5,160	8.08%
24	VCB	670	4.22%
25	VHM	850	4.90%
26	VIC	1,040	8.01%
27	VJC	590	5.81%
28	VNM	1,250	9.97%
29	VPB	3,870	5.84%
30	VRE	940	2.02%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value  
 + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

1,378,930,300

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,405,845,868
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	26,915,568
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:	
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason

**Các chỉ tiêu khác/Other criteria**

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 06/02/2020	Kỳ này/This period 05/02/2020	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	28	34	-6
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	4	-4
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	482,100,000	479,300,000	2,800,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	14,350	14,000	350
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	6,696,043,869,179	6,673,458,410,241	22,585,458,938
của một lô ETF/per Creation Unit	1,405,845,868	1,406,715,516	-869,648
của một chứng chỉ quỹ/per Share	14,058.45	14,067.15	-8.70
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	951.40	932.05	19.35

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



**Trần Thanh Tân**  
Tổng Giám đốc/CEO